

Bản án số: 71/2024/HS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Nguyễn Mạnh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Phạm Đức C – Thẩm phán;

2. Ông Nguyễn Xuân H – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang và điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện B xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn Q – Sinh năm 2000.

Nơi sinh: Xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị Kim A, sinh năm 1981. Bị cáo là con duy nhất.

Có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 2002; Bị cáo có 01 con sinh năm 2024.

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Tạm giữ: Từ ngày 27/8/2024 đến ngày 30/8/2024.

Tạm giam: Từ ngày 30/8/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

2/ Vũ Văn Thành T1 – Sinh năm 1997.

Nơi sinh: Xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông Vũ Văn T2, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1978. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Tạm giữ: Từ ngày 27/8/2024 đến ngày 30/8/2024.

Tạm giam: Từ ngày 30/8/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

*** Tại điểm cầu trung tâm:**

Người làm chứng:

+ Anh Lê Văn N, sinh năm 1996 (*vắng mặt*).

+ Anh Đỗ Văn T3, sinh ngày 10/8/2007 (*vắng mặt*).

Người đại diện cho anh Đỗ Văn T3: Bà Bùi Thị L1 (*vắng mặt*).

- Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Vũ Đức D - Cán bộ Nhà tạm giữ Công an huyện B;

2. Ông Đỗ Danh H1 - Cán bộ Nhà tạm giữ Công an huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1 là người cùng thôn. Thông qua các mối quan hệ xã hội, Q biết ở khu vực bia Tiến sĩ thuộc thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương có người bán ma túy có thể mua được nên Q bảo với T1 nếu ai có nhu cầu thì báo để Q mua về bán kiếm lời, T1 đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 25/8/2024, trong lúc Vũ Văn Thành T1 đang ở nhà tại thôn M, xã T, huyện B thì Lê Văn N sử dụng điện thoại Iphone XS Max (mượn của anh Đỗ Văn T3) đăng nhập ứng dụng Messenger tên tài khoản “Hoàng Nam C2” nhắn tin, gọi điện đến tài khoản “Tài Đen” của T1 hỏi mua 1.000.000đ ma túy dạng đá, T1 đồng ý. T1 sử dụng điện thoại Samsung Galaxy J3 đăng nhập ứng dụng Messenger tên tài khoản “Tài V” (T1 sử dụng 2 tài khoản Messenger là “Tài Đen” và “Tài V”) gọi điện đến tài khoản “Nguyễn Văn Q” của Q hỏi mua ma túy bán lại cho N, Q đồng ý. Q sử dụng điện thoại Xiaomi 11T, lắp sim số 0335.908.628 đăng nhập ứng dụng Messenger tên tài khoản “Nguyễn Văn Q” (đăng ký bằng số điện thoại 0335.908.628) nhắn số tài khoản 0335908628666 tại Ngân hàng TMCP Q1 để T1 chuyển khoản tiền, T1 gửi số tài khoản của Q bảo N chuyển khoản tiền. N sử dụng điện thoại đăng nhập ứng dụng Internet Banking số tài khoản 899834566666 - Ngân hàng TMCP Q1 mang tên Lê Văn N, chuyển 1.000.000đ đến số tài khoản của Q và N chụp màn hình giao dịch thành công gửi cho T1, T1 gọi điện cho Q xác nhận đã nhận được tiền vào tài khoản. Sau đó T1 đi bộ đến nhà chị Nguyễn Thị Dương K ở cùng thôn xin số tài khoản để T1 đổi tiền mặt, chị K đồng ý cho T1 số tài khoản 230890888 - Ngân hàng A1. T1 đi bộ đến nhà Q đưa số tài khoản để Q chuyển số tiền 1.000.000đ đến tài khoản của chị K, sau đó T1 đi bộ quay lại nhà chị K để nhận 1.000.000đ tiền mặt rồi gọi điện bảo Q ra đầu ngõ, T1 đưa cho Q 700.000đ bảo Q đi mua ma túy, Q cầm tiền và bảo với T1 “Mua 500.000đ thôi” còn 200.000đ để Q giữ lại, T1 đồng ý. Q sử dụng ứng dụng Zalo, đăng nhập tài khoản tên “Nguyễn Văn Q” (đăng ký bằng số điện thoại 0335.908.626) gọi cho người đàn ông không quen biết (Q không nhớ tên tài khoản Zalo vì sau khi mua ma túy xong Q đã xóa hết liên lạc với tài khoản này) hỏi mua 500.000đ ma túy đá, người đàn ông đồng ý và bảo Q đi ra đường T cầm tiền để ở chân cổng chào thôn M, xã T, người đàn ông sẽ chỉ chỗ để lấy ma túy. Sau khi N để tiền theo hướng dẫn, người đàn ông gọi điện bảo Q đi đến chỗ bia đá ở gần đó lấy ma túy cất giấu trong điều thuốc lá để ở bậc lên xuống. Q đi bộ đến thấy có 1/2 điều thuốc lá, nhãn hiệu Thăng Long để ở đó, Q cầm lên quan sát thấy có một túi nilon đựng ma túy cất giấu bên trong nên để xuống đất, chụp ảnh gửi cho T1 qua ứng dụng Messenger, T1 bảo Q lấy viên gạch đè lên đánh dấu vị trí và chụp ảnh gửi cho T1. T1 nhận được ảnh của Q gửi lại bảo N đến khu vực bia đá lấy ma túy. Lúc này N đang ở nhà anh T3 chơi nên N nhờ anh T3 chở đi nhưng N không nói cho anh T3 biết đi lấy ma túy. Khoảng 23 giờ cùng ngày, anh T3 điều khiển xe mô tô BKS 34AA - 169.53 chở N đi đến chỗ bia đá, N xuống xe đi đến vị trí bậc lên xuống nhắc viên gạch lên nhặt 1/2 điều thuốc lá rồi xé ra lấy túi nilon đựng ma túy cất giấu trong người rồi bảo anh T3 chở đến khu L thuộc thôn M, xã T, huyện B. N bảo anh T3 đứng đợi bên ngoài, N đi bộ vào phía trong sân

Lăng T4 bỏ bộ dụng cụ sử dụng ma túy cất giấu trong người ra đồ ma túy trong túi nylon vào coóng thủy tinh để sử dụng. Hồi 23 giờ 35 phút cùng ngày, khi N vừa sử dụng ma túy xong thì bị Công an huyện B phối hợp với Công an xã T phát hiện. Thu giữ của N 1 túi nylon màu trắng KT (1,5 x 2)cm bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng (N khai là túi đựng ma túy mua của T1 trước đó), 1 bật lửa, 1 chai nhựa nắp có 2 lỗ tròn gắn ống hút và coóng thủy tinh bên trong có bám dính khối muối màu đen.

Căn cứ vào lời khai của N, ngày 27/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1. Quá trình làm việc, Q và T1 đã khai nhận hành vi của mình như trên, Cơ quan điều tra quản lý của Quang điện thoại Xiaomi 11T lắp sim số 0335.908.628, quản lý của T1 điện thoại Samsung GalaxyJ3 lắp sim số 0899.943.129.

Kết luận giám định số 388/KL-KTHS ngày 29/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Chất tinh thể màu trắng bám dính trong túi nylon màu trắng, chất muối khối màu đen bám dính bên trong coóng thủy tinh thu giữ của Lê Văn N là ma túy loại Methamphetamine. Lượng bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng. H2 lại mẫu vật giám định gồm vỏ túi nylon, coóng thủy tinh và vỏ bao gói mẫu.

Methamphetamine - STT 247, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Vật chứng của vụ án: 1 vỏ túi nylon, 1 vỏ phong bì, 1 coóng thủy tinh là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 1 bật lửa, 1 chai nhựa kèm nắp chai, 3 ống hút, 2 điện thoại di động quản lý của Q và T1, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 20/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu

quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 30 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/8/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn Thành T1 từ 30 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/8/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251 BLHS, phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1 số tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- + Tịch thu, tiêu hủy 1 vỏ túi nilon, 1 vỏ phong bì, 1 cóong thủy tinh là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 1 bật lửa, 1 chai nhựa kèm nắp chai, 3 ống hút, 01 sim điện thoại 0335.908.628;

- + Tiếp tục thông báo và yêu cầu Tập đoàn C3 thu hồi đối với số thuê bao di động 0335.908.628.

- + Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại di động quản lý của Q và T1;

- + Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 200.000đ của bị cáo Q và 300.000đ của bị cáo T1 là tiền các bị cáo thu lợi bất chính.

- + Trả lại bị cáo Vũ Văn Thành T1 sim số 0899.943.129.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người chứng kiến; phù hợp với biên bản vụ việc, biên bản kiểm tra và giải trình tin nhắn điện thoại, kết quả sao kê tài khoản tại ngân hàng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 25/8/2024, tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1 có hành vi bán trái phép 1 túi ma túy loại Methamphetamine cho Lê Văn N với số tiền 1.000.000đ. Sau khi mua được ma túy, N mang đến khu L thuộc thôn M, xã T, huyện B để sử dụng thì bị Công an huyện B phối hợp với Công an xã T phát hiện, thu giữ vật chứng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ tác hại của chất ma túy cũng như hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích vụ lợi là hành vi pháp luật nghiêm cấm và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Văn Thành T1 có hành vi cùng nhau bán trái phép 1 túi ma túy loại Methamphetamine cho Lê Văn N với số tiền 1.000.000đ nên hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo Q và T1 là đồng phạm của nhau, bị cáo Q là người đề xuất, trực tiếp mua ma túy, bị cáo T1 trực tiếp giao dịch với N bán ma túy do đó xác định các bị cáo là đồng phạm với vai

trò giản đơn và đều là người thực hành tuy nhiên hành vi của bị cáo Q được xác định là tích cực hơn so với bị cáo T1.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, nhận thức được tác hại của chất ma túy nhưng vì mục đích vụ lợi vẫn cố ý bán trái phép chất ma túy cho người khác thể hiện ý thức coi thường pháp luật do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Các bị cáo được xác định là đồng phạm với vai trò giản đơn, hành vi của Q tích cực hơn so với hành vi của T1 thực hiện nên mức án của Q phải cao hơn so với mức án của T1 theo quy định tại Điều 17, Điều 58 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi và đã thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội đã thực hiện do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số vật chứng thu giữ gồm 1 vỏ túi nilon, 1 vỏ phong bì, 1 cóong thủy tinh là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 1 bật lửa, 1 chai nhựa kèm nắp chai, 3 ống hút được sử dụng làm thành bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy là các đồ vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy đối với số vật chứng nêu trên.

Đối với 2 điện thoại di động Xiaomi 11T và S J3 quản lý của Q và T1 được các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, phát mại, sung vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại nêu trên.

Đối với chiếc sim điện thoại 0899.943.129 lắp trong chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J3 thu giữ của bị cáo T1, T1 không sử dụng chiếc sim điện thoại để thực hiện việc phạm tội nên cần trả lại T1 chiếc sim điện thoại 0899.943.129.

Đối với chiếc sim điện thoại 0335.908.628 lắp trong chiếc điện thoại di động Xiaomi 11T thu giữ của bị cáo Q, được Q sử dụng đăng ký dịch vụ Zalo và dùng tài khoản này liên lạc để mua bán ma túy, ngày 31/10/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã có văn bản số 323/CV-ĐC SHS gửi Tập đoàn C4 (C3) đề nghị thu hồi mã, số viễn thông đối với số thuê bao di động nêu trên. Do vậy, cần tịch thu, tiêu hủy đối với chiếc sim điện thoại 0335.908.628 thu giữ của Q đồng thời tiếp tục yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông thu hồi số thuê bao di động nêu trên theo quy định của Luật viễn thông và tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền còn lại trong tài khoản chính của thuê bao di động số 0335.908.628.

Đối với số tiền 300.000đ hiện bị cáo T1 đang quản lý và 200.000đ hiện bị cáo Q đang quản lý (các bị cáo chưa nộp lại) là tiền do các bị cáo thu lợi bất chính nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền nêu trên.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn N, ngày 13/10/2024, Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Q, quá trình điều tra không xác định được là ai, ở đâu; Anh Đỗ Văn T3 cho Lê Văn N mượn điện thoại, điều khiển xe mô tô chở N đến khu vực bia đá và khu L nhưng không biết N sử dụng điện thoại để liên hệ mua và sử dụng ma túy; Chị Nguyễn Thị Dương Khánh Đ tiền tài khoản nhưng không biết đó là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135,

khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Văn Thành T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/8/2024.

2.2 Xử phạt bị cáo Vũ Văn Thành T1 **02** (hai) năm **05** (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/8/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Văn Thành T1, mỗi bị cáo **10.000.000đ** (*mười triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 coóng thủy tinh, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong ghi số 388/KL-KTHS; 01 bật lửa gas, màu đỏ; 01 chai nhựa, nhãn hiệu Sting loại 330ml chiều cao 21cm, nắp chai màu đỏ, trên nắp có 02 lỗ tròn; 03 ống hút bằng nhựa màu xanh có kích thước khác nhau.

- Tịch thu, phát mại, sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J3, vỏ máy bằng nhựa màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi 11T, lắp lưng điện thoại bằng nhựa màu trắng.

- Trả lại bị cáo Vũ Văn Thành T1 sim số 0899.943.129.

- Tịch thu, tiêu hủy sim số 0335.908.628 (đang lắp trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi 11T);

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 27/11/2024).

+ Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ đối với bị cáo Vũ Văn Thành T1 và số tiền 200.000đ đối với bị cáo Nguyễn Văn Q (các bị cáo chưa nộp).

+ Tiếp tục thông báo và yêu cầu Tập đoàn C3 thu hồi đối với số thuê bao di động 0335.908.628 và tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền hiện có trong tài khoản chính của thuê bao di động số 0335.908.628.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Bình Giang (HSNV);
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải